TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/9/2020.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Ông Trần Thanh Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – Sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: ấp AQ, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: số 610 ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thành T1 – sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp AQ, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày: bà và ông T1 quen biết và kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, do ông T1 ghen tuông vô cớ, khi cải nhau thì đánh bà, bà có cho cha mẹ chồng hay nhưng không không can ngăn được, nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Chí T2 – sinh ngày 30/01/2018 hiện đang sống với bà. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: bà T, ông T1 kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không chia sẽ được với nhau và ly thân từ đầu năm 2020. Nay, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 nhưng ông T1 không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T xin ly hôn là có cơ sở. Về con chung: bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Chí T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung bà T được tiếp tục nuôi con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1 có nơi cư trú tại xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T ông T1 kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T1 ghen tuông vô cớ, khi vợ chồng cải nhau thì ông T1 có hành vi bạo hành nhưng không được gia đình hai bên căn ngăn, khuyên nhủ, đến đầu năm 2020 thì không còn chung

sống đến nay, không ai quan T1 đến nhau đến nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T1 tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, khi vợ chồng không còn chung sống, thì cả hai không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T xin ly hôn ông T1.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Chí T2 – sinh ngày 30/01/2018 hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Phía ông T1 không có ý kiến phản đối. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ nợ chung: Bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 273, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 153 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí T2 – sinh ngày 30/01/2018. Ông Nguyễn Thành T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các

căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận việc bà T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà T, ông T1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0008594 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 18/6/2020.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình